

Phụ lục I
MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KON TUM
TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Lê Lợi;

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

- Địa chỉ: số 50 đường Ngô Đức Kế, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Số điện thoại : 02603 851 326

- Email: tlloi.sgddt@kontum.gov.vn

- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <http://thptleloikontum.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

4.1. Sứ mạng lịch sử: Đào tạo học sinh trở thành thành công dân tốt; Nhà trường hướng đến việc giáo dục học sinh về tri thức, đạo đức và kỹ năng sống, giúp các em phát triển toàn diện về nhân cách và trở thành những công dân có trách nhiệm, đóng góp tích cực cho xã hội

4.2. Mục tiêu chung

Năm học 2024-2025 là năm học tiếp tục thực hiện Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục triển khai sâu rộng Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng cho HS; nâng cao năng lực của đội ngũ quản lý và GV đáp ứng yêu cầu thực hiện CTGDPT 2018.

Xây dựng và phát triển nhà trường giữ vững các tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 và kiểm định chất lượng Cấp độ 2, trong đó tập trung vào việc bồi dưỡng viên chức quản lý, giáo viên về chuyên môn, nghiệp vụ, tăng cường các hoạt động nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng các kỳ thi, cuộc thi. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý theo hướng thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường.

Đẩy mạnh kế hoạch chuyển đổi số, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nền nếp, chất lượng và hiệu quả.

Tiếp tục chủ động trong thực hiện CTGDPT 2018 toàn cấp học; thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực; tích cực đổi mới phương thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh tại địa phương.

Tích cực sử dụng hiệu quả việc đổi mới nội dung, phương thức đánh giá HS nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học, tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, chú trọng các hoạt động trải nghiệm nghiên cứu khoa học, ứng dụng CNTT và truyền thông trong công tác dạy và học.

Tiếp tục thực hiện tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp hiệu quả gắn với công tác phân luồng sau tốt nghiệp THPT. Phân đầu định hướng phân luồng hiệu quả học sinh tốt nghiệp THPT chuyển sang học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp đạt tỷ lệ trên 57%.

4.3. Mục tiêu cụ thể

4.3.1. Nâng cao chất lượng giáo dục

*** Mục tiêu**

Tổ chức dạy học hiệu quả dạy và học và các hoạt động giáo dục có chất lượng theo chương trình GDPT 2018.

Tổ chức thực hiện kiểm tra đánh giá học sinh đảm bảo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT, Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Xây dựng và tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục, hội thi, cuộc thi.

Thực hiện tốt công tác quản lý giáo dục và công tác dạy và học luôn gắn với việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

**** Chỉ tiêu**

Kết quả duy trì sĩ số: 100%.

Kết quả phân luồng sau tốt nghiệp THPT: Học sinh tốt nghiệp THPT chuyển sang học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp đạt tỷ lệ trên 57%.

Kết quả rèn luyện: 99% có kết quả Khá Tốt trở lên.

Kết quả Học tập: 97% có kết quả xếp loại từ Đạt trở lên, trong đó xếp loại Khá, Tốt: 64% trở lên. (*Học sinh Giỏi năm học: 10%*)

Kết quả điểm TBM của các môn trong năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

Khối /môn	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Lý	Hóa	Sinh	Công nghệ lý	Công nghệ sinh	Tin học	Lịch sử	Địa lý	GDK TPL
10	6.0	6.1	6.0	6.4	6.2	7.2	7.6	7.2	7.8	6.4	7.5	7.0
11	6.4	6.4	6.1	6.6	6.5	7.5	7.8	7.5	7.9	6.6	7.6	7.1
12	6.6	6.8	6.0	6.7	6.4	7.0	8.4	7.5	8.6	6.7	7.4	7.4

Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025: 100% đỗ tốt nghiệp và điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp: 6,4.

Kết quả điểm TBM của các môn thi tốt nghiệp THPT 2025

Môn thi	Toán	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Vật Lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	Công nghệ lý	Công nghệ Sinh học	Tin học	GDK TPL
Điểm TB	6,1	6,4	4,5	6,8	6,6	6,8	6,5	7.0	6,4	6,4	6,4	7,8
Điểm TB toàn trường 6,4												

4.3.2. Giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh, y tế học đường

*** Mục tiêu**

Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, quản lý nhà nước về giáo dục quốc phòng và an ninh ở các cấp, các ngành; triển khai thực hiện Giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh, y tế học đường, một cách đồng bộ, có hiệu quả. Phát huy thế mạnh về Giáo dục thể chất nhằm phát triển con người toàn diện, có trí thức, có sức khỏe, có lối sống lành mạnh, biết cảm thông, chia sẻ.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy định về hoạt động y tế trong nhà trường theo Thông tư 13/2016/TTLT-BYT-BGD ngày 12/5/2016 của Liên Bộ: BHYT và BGDĐT.

Phối hợp với Trung tâm y tế dự phòng Thành phố Kon Tum xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện công tác y tế trường học, tổ chức các hoạt động phòng chống dịch bệnh trong nhà trường.

Công tác vệ sinh môi trường được đảm bảo, đặc biệt các công trình vệ sinh chung đảm bảo đạt yêu cầu theo chuẩn và thường xuyên xanh sạch đẹp.

**** Chỉ tiêu**

Tổ chức ít nhất 1-2 giải thi đấu thể thao nhân các ngày lễ lớn. Tổ chức 01 hội thao GDQPAN cấp trường.

100% học sinh được khám sức khỏe đầu năm học, được tư vấn về các bệnh thông thường, đặc biệt tâm lý lứa tuổi.

100% học sinh được hướng dẫn các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng, chống tai nạn, thương tích trong quá trình học tập, thực hành.

100% học sinh được tuyên truyền về giáo dục sức khỏe bao gồm: Các biện pháp phòng, chống tai nạn thương tích; tăng cường hoạt động thể lực, dinh dưỡng hợp lý, lối sống lành mạnh; bệnh, tật học đường; phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh lây truyền qua đường tình dục; bệnh không lây nhiễm; phòng, chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia, ma túy, các chất gây nghiện và các nội dung khác về y tế.

100% học sinh tham gia bảo hiểm Y tế tại trường hoặc ở hộ gia đình.

4.3.3. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng

*** Mục tiêu**

Triển khai thường xuyên Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Tuyên truyền, phổ biến quán triệt nội dung pháp luật về phòng, chống tham nhũng, phòng chống tệ nạn xã hội; Luật an toàn thông tin mạng; giáo dục quyền con người; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục ATGT; giáo dục tăng cường năng lực số, chuyển đổi số và các nội dung giáo dục lồng ghép phù hợp khác theo quy định...

Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 49/KH-SGDĐT ngày 18/6/2019 về Thực hiện “Đề án xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025” trong ngành Giáo dục tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 51/KH-SGDĐT ngày 04/4/2023 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác xây dựng văn hóa học đường của ngành Giáo dục tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 70/KH-SGDĐT ngày 31/5/2022 của Sở GDĐT về thực hiện Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021-2030” trong ngành Giáo dục.

**** Chỉ tiêu**

100% lãnh đạo, giáo viên nhân viên cam kết thực hiện học tập và làm theo tư

tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, ATGT, Phòng chống tham nhũng, An ninh mạng.

100% giáo viên, nhân viên và học sinh được tuyên truyền về các điều luật (ATGT, Phòng chống tham nhũng, An ninh mạng....)

100% lãnh đạo, giáo viên nhân viên cam kết thực hiện: trường học an toàn, hạnh phúc là nơi được nhân dân tin tưởng trong công tác giáo dục. Không có giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo, không có tình trạng bạo lực trong học đường.

Tổ chức cho học sinh ưu tú học lớp nhận thức về đảng và giới thiệu kết nạp 04 học sinh vào đảng thuộc năm học 2024-2025.

100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh của nhà trường được tuyên truyền, phổ biến, học tập các vấn đề liên quan đến văn hóa ứng xử, môi trường văn hóa trong gia đình, nhà trường và cộng đồng.

100% trường học đạt tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh, thân thiện góp phần xây dựng môi trường văn hóa nhà trường.

4.3.4. Công nghệ thông tin và chuyển đổi số

**** Mục tiêu***

Đẩy mạnh sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong các cơ sở giáo dục trung học, tăng tính chủ động để thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục, sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý, báo cáo. Tiếp tục thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường. Quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo theo quy định, trong đó quán triệt nghiêm và không để xảy ra tình trạng lạm dụng vị trí công tác của giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để thực hiện hoặc tham gia thực hiện việc ép buộc học sinh, hoặc cha mẹ học sinh mua xuất bản phẩm tham khảo.

***** Chỉ tiêu***

100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên khai thác ứng dụng các phần mềm trong công tác quản lý và dạy học (office 365, phần mềm dạy và học, phần mềm kiểm tra đánh giá, Mi sa, vn.edu,...).

100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử và sử dụng hiệu quả chữ ký số.

100% giáo viên có kỹ năng tổ chức dạy và học trực tuyến, khai thác các nguồn học liệu trên internet, kho học liệu điện tử office 365 và các trang web chính thống...

Tiếp tục duy trì việc tổ chức dạy học trực tuyến, phấn đấu đạt tỉ trọng tối thiểu 5% ở cấp trung học.

. Sử dụng có hiệu quả nguồn chi thường xuyên 1% của ngân sách để phục vụ cho công tác CNTT và chuyển đổi số.

4.4.5. Thực hiện phong trào thi đua

*** Mục tiêu**

Giáo viên, nhân viên và học sinh có ý thức về việc thực hiện tốt các cuộc vận động, phong trào thi đua của ngành; nhà trường phối hợp với công đoàn, đoàn thanh niên tổ chức tốt các phong trào thi đua trong nhà trường.

Tổ chức công tác thi đua khen thưởng nhằm tạo động lực cho giáo viên và học sinh để hoàn thành các chỉ tiêu của kế hoạch giáo dục năm học.

**** Chỉ tiêu**

100% đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; 100% các tổ chức của nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ. 15% đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.

4.4.6. Tăng cường cơ sở vật chất trường học, thiết bị dạy học

*** Mục tiêu**

Tiếp tục tăng cường CSVC theo hướng chuẩn hoá, kiên cố hóa để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng sân chơi, bãi tập, nhà xe học sinh, nâng cao hiệu quả dạy học tại phòng bộ môn, đẩy mạnh phong trào tự làm và sử dụng đồ dùng dạy học.

**** Chỉ tiêu**

Đảm bảo cơ bản như sau:

- Phòng học được trang bị Ti vi 65 inch;
- 02 phòng máy vi tính.
- 01 thư viện; 01 phòng Y tế;
- 01 nhà đa năng phục vụ tổ chức các hoạt động giáo dục
- Khu vệ sinh học sinh Nam và học sinh Nữ khang trang, sạch đẹp đạt chuẩn.
- Nhà xe học sinh được cải tạo và nâng cấp.

4.4.7. Đổi mới công tác quản lý giáo dục

*** Mục tiêu**

Quản lý tốt và hiệu quả việc thực hiện Chương trình GDPT 2018, đặc biệt là công tác ôn tập thi tốt nghiệp THPT 2025.

Quản lý tốt việc xây dựng và tổ chức các hội thi, cuộc thi về hoạt động giáo dục.

Quản lý tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học gắn liền với kế hoạch thực hiện chuyển đổi số tại đơn vị.

**** Chỉ tiêu:**

100% viên chức quản lý và tổ trưởng chuyên môn phải đảm bảo thực hiện tổ chức triển khai đổi mới quản lý dạy học và hoạt động giáo dục.

100% viên chức quản lý và tổ trưởng chuyên môn phải làm chủ kỹ năng trong

việc sử dụng trang thiết bị, phần mềm về công nghệ thông tin phục vụ cho công việc quản lý, công việc chuyên môn và chuyển đổi số ở đơn vị.

4.4.8. Công tác vận động tài trợ

*** Mục tiêu**

Tổ chức tốt việc truyền thông, quán triệt Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT, ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân cho toàn thể viên chức nhà trường; toàn thể cha mẹ học sinh nhà trường và các tổ chức chính trị - xã hội, người dân và cựu học sinh của nhà trường.

Tuyên truyền chủ trương vận động tài trợ để sửa chữa, cải tạo nhà để xe của học sinh và khu vệ sinh của học sinh.

**** Chỉ tiêu**

Tất cả viên chức đồng thuận và tích cực tham gia thực hiện theo Kế hoạch vận động tài trợ của nhà trường.

Lãnh đạo nhà trường xây dựng nội dung Kế hoạch vận động, tiếp nhận và sử dụng tài trợ tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong năm học 2024-2025 để sửa chữa, cải tạo nhà để xe của học sinh và khu vệ sinh của học sinh trị giá 300.000.000 đồng.

4.4.9. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia

*** Mục tiêu**

Tiếp tục bổ sung cơ sở vật chất để thực hiện kế hoạch xây dựng Trường đạt chuẩn quốc gia từ năm 2025.

Thường xuyên kiểm tra các tiêu chuẩn của Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT.

**** Chỉ tiêu**

Tham mưu với lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất theo yêu cầu tại Tiêu chuẩn 3 của Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiếp tục duy trì việc đảm bảo yêu cầu tại các tiêu chuẩn còn lại (TC1, TC2, TC4) của Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THPT Lê Lợi thành lập ngày 09/01/2002 theo Quyết định số 371/QĐ-CT ngày 25/12/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum.

Trường có diện tích 9103.5m², đủ điều kiện theo quy định của của trường đạt chuẩn quốc gia (theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT về việc Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, Trường THPT và trường phổ thông có nhiều

cấp học)

Qua 23 năm xây dựng và phát triển, Trường THPT Lê Lợi đã đạt được những thành tích đáng kể. Học sinh giỏi, học sinh thi đỗ tốt nghiệp cũng như vào học ở các trường đại học ngày càng cao; trường THPT Lê Lợi là điểm đến của học sinh, là địa chỉ tin cậy của CMHS trên địa bàn.

Trong những năm gần đây, được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và trực tiếp là Sở GDĐT Kon Tum, cùng với sự nỗ lực của thầy và trò, trường THPT Lê Lợi đã có những chuyển biến tích cực về nhiều mặt. Nề nếp, kỷ cương dạy học được giữ vững; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao được đẩy mạnh; các cuộc vận động, các phong trào thi đua của các cấp các ngành được triển khai, thực hiện nghiêm túc, đạt được những kết quả tích cực.

Trường đã đề ra nhiều giải pháp, biện pháp có hiệu lực, hiệu quả thúc đẩy các hoạt động chuyên môn nâng cao chất lượng học tập. Phong trào thi đua dạy tốt, học tốt luôn được duy trì. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém luôn được chú trọng. Trong những năm học qua, trường tổ chức các cuộc hội thảo, hội giảng về đổi mới phương pháp giảng dạy ở tất cả các môn học, tổ chức tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, quản lý, đổi mới kiểm tra đánh giá, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng,.. được Hội đồng khoa học nhà trường đánh giá có chất lượng và hiệu quả thiết thực. Các giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp luôn làm tốt công tác giáo dục kỹ năng sống, đạo đức và hướng nghiệp cho học sinh.

Với những thành tích đã đạt được, trong những năm gần đây nhà trường luôn đạt tập thể lao động xuất sắc và được UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia (năm 2014), tặng Cờ thi đua đơn vị xuất sắc nhất khối THPT (năm học 2015 - 2016), Cờ thi đua của Chính phủ (năm học 2020 - 2021); Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen...

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Duyệt – Chức vụ: Hiệu trưởng;
- Địa chỉ: số 50 đường Ngô Đức Kế, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Số điện thoại : 02603 851 326

- Email: tlloi.sgddt@kontum.gov.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập: Trường THPT Lê Lợi thành lập ngày 09/01/2002 theo Quyết định số 371/QĐ-CT ngày 25/12/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

- **Quyết định thành lập:** Hội đồng trường THPT Lê Lợi được công nhận tại Quyết định số 567/QĐ-SGDĐT, ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum;

- Danh sách thành viên Hội đồng trường:

1. Ông Nguyễn Ngọc Duyệt: Hiệu Trưởng;
2. Ông Lê Minh Hoàng: Phó Bí thư chi bộ;
3. Bà Phan Thị Huỳnh Như: Chủ tịch Công đoàn cơ sở;
4. Ông Lê Xuân Thành: Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
5. Ông Dương Đức Trí: Tổ trưởng tổ Khoa học xã hội;
6. Ông Phạm Lê Thành Đạt: Tổ trưởng tổ Khoa học tự nhiên;
7. Ông Trần Kim Chi: Giáo viên;
8. Bà Tô Thị Thành: Tổ trưởng tổ Văn phòng;
9. Ông Đặng Tấn Đức: Phó Chủ tịch UBND phường Lê Lợi;
10. Ông Nguyễn Xuân Hùng: Trưởng ban Đại diện CMHS Trường;
11. Em Thái Bảo Khang: Học sinh lớp 10A1.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định số 468/QĐ-SGDĐT, ngày 29 tháng 8 năm 2023, Về việc điều động, bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Duyệt giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Lê Lợi, của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 654/QĐ-SGDĐT, ngày 11 tháng 10 năm 2024 Về việc điều động, bổ nhiệm ông Võ Thuận giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Lê Lợi, của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 04/QĐ-SGDĐT, ngày 16 tháng 01 năm 2012, Về việc điều động, bổ nhiệm ông Lê Minh Hoàng giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Lê Lợi, của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

đ) Quyết định thành lập: Trường THPT Lê Lợi thành lập ngày 09/01/2002

theo Quyết định số 371/QĐ-CT ngày 25/12/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo:

*** Hiệu trưởng:**

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Duyệt – Chức vụ: Hiệu trưởng;

- Địa chỉ: số 50 đường Ngô Đức Kế, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Số điện thoại: 02603 851 326

- Email: tlloi.sgddt@kontum.gov.vn

- Tổ chức lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

- Phụ trách trực tiếp:

+ Nhân sự, tài chính, thông tin, văn thư, hành chính, cơ sở vật chất, xã hội hóa giáo dục...

+ Tổ chức xây dựng Kế hoạch chiến lược, Kế hoạch giáo dục nhà trường, Kế hoạch và báo cáo công tác tuần (**thứ Năm hàng tuần**) về Sở GDĐT. Xây dựng Đề án vị trí việc làm. Lập Hội đồng trường, Hội đồng khen thưởng, kỉ luật; Hội đồng khác do Hiệu trưởng quyết định. Chỉ đạo thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường. Chủ trì tổ chức hội nghị VC-NLĐ.

+ Tổ chức xây dựng Quy chế dân chủ cơ sở, Quy chế làm việc; phân công nhiệm vụ cho Phó hiệu trưởng phụ trách các mảng công tác theo Kế hoạch giáo dục của nhà trường, bổ nhiệm tổ trưởng chuyên môn, các bộ phận kiêm nhiệm khác của nhà trường, duyệt phân công giảng dạy cho giáo viên và chủ nhiệm lớp. Phân công việc làm cho nhân viên, người lao động theo từng vị trí công tác.

+ Tổ chức biên chế lớp học theo năm học. Chuyển lớp, chuyển trường đi và đến cho học sinh. Tổ chức công tác ôn tập và thi tốt nghiệp THPT hàng năm, thi tuyển sinh 10; cấp Giấy chứng nhận tạm thời tốt nghiệp THPT. Sinh hoạt chuyên môn tổ Ngữ văn, tổ Thể dục- GDQP-Tịc học, tổ Sinh – Công nghệ; tổ Văn phòng. Duyệt kết quả học tập và phê duyệt học bạ khối 12.

+ Tổ chức thực hiện chế độ thanh tra của cấp trên, hoạt động kiểm tra nội bộ trường học. Tổ chức thực hiện công tác phân luồng định hướng nghề nghiệp giai đoạn 2018-2025.

+ Tổ chức thực hiện xây dựng, phát triển và quản lý cơ sở vật chất trong nhà trường; tổ chức huy động về công tác xã hội hóa, vận động tài trợ.

+ Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các chế độ của học sinh, xét học bổng, khen thưởng học sinh. Phụ trách hoạt động của BĐDCMHS.

+ Phát ngôn của nhà trường trước lãnh đạo cấp trên và xã hội; Giao lưu đối ngoại

giữa nhà trường và các tổ chức xã hội, đoàn thể, các ban ngành; chủ trì việc tiếp khách, tiếp công dân tại trường. Quản lý điều hành website của nhà trường, Office 365, tin nhắn Zalo, Facebook, edu.Vn...

+ Trục trường thường xuyên, ủy quyền cho Phó hiệu trưởng khi vắng trường. Tổ chức họp HĐGD theo định kỳ, giao ban với các phó hiệu trưởng thường xuyên vào thứ 2 đầu tuần hoặc đột xuất.

**** Phó Hiệu trưởng:**

Trách nhiệm chung:

- Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành công việc do Hiệu trưởng phân công; điều hành hoạt động của nhà trường khi được Hiệu trưởng ủy quyền.

- Lên kế hoạch hàng tuần, tháng, năm học theo nhiệm vụ công tác của chức trách phó hiệu trưởng; chủ động đề xuất công việc chuẩn bị cho tuần mới. Cùng với Hiệu trưởng duyệt phân công giảng dạy cho giáo viên và chủ nhiệm lớp.

- Thường xuyên tham mưu cho Hiệu trưởng về việc thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường. Cùng với Hiệu trưởng tham gia xây dựng kế hoạch và tổ chức mọi hoạt động của nhà trường; chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục của nhà trường.

Phó hiệu trưởng Ông Võ Thuận

- Họ và tên: Võ Thuận – Chức vụ: Phó hiệu trưởng;

- Địa chỉ: số 50 đường Ngô Đức Kế, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Số điện thoại : 02603 851 326

- Email: tlloi.sgddt@kontum.gov.vn

- Triển khai các văn bản về lĩnh vực Hoạt động giáo dục môn học, công tác bồi dưỡng giáo viên, nhân viên của Bộ GDĐT và của Sở GDĐT đến GV, NV. Lưu giữ các văn bản, hồ sơ về tập huấn, bồi dưỡng, công tác khác của lĩnh vực giáo dục môn học theo hệ thống năm học. Tổ chức lưu giữ các văn bản, hồ sơ quản lý sổ điểm (giấy, điện tử) của nhà trường theo hệ thống từng năm học.

- Tổng hợp kế hoạch dạy học, hoạt động giáo dục từ các tổ chuyên môn theo CTGDPT 2018 (*chính khóa, hoạt động giáo dục môn học, dạy học tăng cường*); xây dựng khung kế hoạch Hoạt động giáo dục môn học của năm học trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Tổ chức kiểm tra thực hiện nền nếp quy chế chuyên môn (hồ sơ tổ chuyên môn, hồ sơ của giáo viên theo các Phụ lục của Công văn 5512/BGDĐT; sổ đầu bài, sổ điểm điện tử...) trên Office 365 và các loại hồ sơ văn bản triển khai bằng ioffice, E-mail, giấy. Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra giáo viên theo Kế hoạch kiểm tra nội bộ của Trường. Tham gia tổ chức quản lý lập hồ sơ dự thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh lớp 10.

- Cùng với Lãnh đạo trường tổ chức hội nghị, hội thảo đổi mới phương pháp dạy và học, các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục và bồi dưỡng đội ngũ. Chủ động liên hệ và đề xuất mua sắm, quản lý các phần mềm thiết bị công nghệ phục vụ dạy và học, kiểm tra đánh giá nhằm đảm bảo thực hiện CTGDPT 2018.

- Tổ chức việc bồi dưỡng học sinh giỏi, dạy học tăng cường, dạy học trực tuyến; tổ chức câu lạc bộ khoa học kỹ thuật và Stem; tổ chức thi học sinh giỏi cấp trường và dự thi cấp tỉnh. Phối hợp với Phó hiệu trưởng Lê Minh Hoàng lên kế hoạch để tổ chức kiểm tra Giữa kỳ, Cuối kỳ, thi học sinh giỏi cấp trường, thi thử. Bảo quản đề kiểm tra của Sở GDĐT, đề kiểm tra của trường (*từ khi tổ chức ra đề đến khi kết thúc kiểm tra*).

- Sinh hoạt chuyên môn trực tiếp tổ Toán, Vật lý- Công nghệ, Địa lý. Duyệt kết quả học tập và phê duyệt học bạ khối 11.

- Tổ chức quản lý và sử dụng các thiết bị, thí nghiệm thực hành, đồ dùng dạy học phục vụ cho công tác dạy và học, hoạt động giáo dục môn học.

- Cập nhật lưu giữ kết quả về thi đua, chuẩn nghề nghiệp.

- Tiếp khách và tiếp công dân của trường và thực hiện một số công việc khẩn, cần thiết của nhà trường khi Hiệu trưởng yêu cầu.

Phó hiệu trưởng Ông Lê Minh Hoàng

- Họ và tên: Lê Minh Hoàng – Chức vụ: Phó hiệu trưởng;

- Địa chỉ: số 50 đường Ngô Đức Kế, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Số điện thoại : 02603 851 326

- Email: tloi.sgddt@kontum.gov.vn

- Cập nhật và triển khai các văn bản về lĩnh vực hoạt động giáo dục, xã hội, đoàn thể, các ngành, tổ chức xã hội của cấp trên đến GV, NV, HS.

- Trưởng Ban Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường.

- Tổ chức hoạt động giáo dục thường xuyên (theo Kế hoạch giáo dục nhà trường) gắn với Hoạt động giáo dục trải nghiệm theo CTGDPT 2018.

- Tổ chức việc xét học bổng học sinh. Tổ chức quản lý nền nếp học sinh, chủ trì việc xét kết quả rèn luyện của học sinh và các cuộc họp, hội thoại, gặp gỡ khác có liên quan đến học sinh. Quản lý hoạt động của các tổ kiêm nhiệm gồm tổ Quản lý học sinh, tổ Cơ sở vật chất, tổ Tư vấn tâm lý học đường.

- Sinh hoạt chuyên môn trực tiếp tổ Ngoại ngữ, Lịch sử, Hoá học. Duyệt kết quả học tập và phê duyệt học bạ khối 10. Tham gia tổ chức quản lý lập hồ sơ dự thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh lớp 10.

- Tổ chức triển khai thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc thi của đoàn thể, lĩnh vực xã hội của các ngành từ địa phương đến Trung ương. Phối hợp với Công đoàn,

Đoàn trường tổ chức các Hội thi. Cập nhật lưu giữ kết quả về thi đua, chuẩn nghề nghiệp.

- Tổ chức triển khai thực hiện công tác An toàn giao thông, các lĩnh vực công tác khác về an toàn và an ninh trật tự cơ quan.

- Tham gia đánh giá hiện trạng và nghiệm thu về cơ sở vật chất, vận động tài trợ của nhà trường.

- Tiếp khách và tiếp công dân của trường và thực hiện một số công việc khẩn, cần thiết của nhà trường khi Hiệu trưởng yêu cầu.

8. Các văn bản khác của nhà trường:¹

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin chung:

Đội ngũ	Tổng số	Trình độ đào tạo				Cơ cấu xã hội		
		Th.S	ĐH	CĐ	Trình độ khác	Đảng viên	Nữ	DT
VCQL	3	3	0	0	0	3	0	0
GV	52	10	42	0	0	26	37	2
NV	7	0	5	2	0	3	7	0
HĐGK	3	0	0	0	3	0	1	0
Tổng	65	13	47	2	3	32	45	2

2. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm:

T T	Tên vị trí việc làm	2023-2024		2024-2025		So sánh	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ

¹ Kế hoạch 04/KH-THPTLL, ngày 13 tháng 3 năm 2023 Kế hoạch Chiến lược phát triển phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2023; Quyết định 57/QĐ-THPTLL, ngày 10 tháng 11 năm 2024 Về việc ban hành Quy chế dân chủ; Kế hoạch số 21/KH-THPTLL ngày 20/09/2024 của Trường THPT Lê Lợi về việc Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị và công tác học sinh năm học 2024-2025; Kế hoạch số 22/KH-THPTLL ngày 23/9/2024 của Trường THPT Lê Lợi về việc Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025; Kế hoạch số 19/KH-THPTLL ngày 17/9/2024 của Trường THPT Lê Lợi về việc Kế hoạch tổ chức dạy học tăng cường có thu tiền trong nhà trường Năm học 2024 - 2025; Kế hoạch số 24/KH-THPTLL ngày 26/9/2024 của Trường THPT Lê Lợi, Kế hoạch hoạt động y tế trường học năm học 2024- 2025; Kế hoạch số 27/KH-THPTLL ngày 30/9/2024 của Trường THPT Lê Lợi về Kế hoạch kiểm tra nội bộ năm học 2024- 2025; Kế hoạch số 25/KH-THPTLL ngày 10/10/2024 của Trường THPT Lê Lợi về việc Kế hoạch tổ chức cuộc thi KHKT gắn với hoạt động Stem cấp trường; Kế hoạch số 26/KH-THPTLL ngày 22/10/2024 của Trường THPT Lê Lợi về việc Kế hoạch Tổ chức kiểm tra, đánh giá giữa kì I, năm học 2024-2025; Kế hoạch số 19/KH-THPTLL ngày 26/10/2024 của Trường THPT Lê Lợi về việc Kế hoạch thi đua chào mừng kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11; Kế hoạch số 132KH-THPTLL ngày 01/11/2024 của Trường THPT Lê Lợi, KH Hội thi GVG cấp trường năm học 2024 - 2025; Kế hoạch số 34/KH-THPTLL ngày 04/12/2024 của Trường THPT Lê Lợi, Kế hoạch kiểm tra cuối kì I năm học 2024 - 2025; Kế hoạch số 35/KH-THPTLL ngày 21/12/2024 của Trường THPT Lê Lợi, Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT;

I	Lãnh đạo, quản lí	3		3		0	
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	<u>55</u>	96.3%	<u>55</u>	93.3%	0	
1	Giáo viên trung học phổ thông hạng I	0	0%	0	0%	0	
2	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	27	45.76%	27	45%	0	
3	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	25	45.45%	26	43.3%	0	
4	Thiết bị thí nghiệm	03	5.08%	03	5%	0	
5	Giáo vụ	0	0%	0	0%	0	
6	Tư vấn học sinh	0	0%	0	0%	0	
7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0%	0	0%	0	
III	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	<u>04</u>	6.67%	<u>04</u>	6.67%	0	
1	Thư viện	01	1.67%	01	1.67%	0	
2	Chuyên viên quản trị công sở	0	0%	0	0%	0	
3	Công nghệ thông tin	0	0%	0	0%	0	
4	Kế toán	01	1.67%	01	1.67%	0	

5	Thủ quỹ	0	0%	0	0%	0	
6	Văn thư	01	1.67%	01	1.67%	0	
7	Lưu trữ	0	0%	0	0%	0	
8	Y tế học đường	01	1.67%	01	1.67%	0	
Tổng		<u>59</u>	100%	<u>59</u>	100%	0	

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đánh giá hằng năm theo quy định: 65/65, tỉ lệ 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	24	1.52m ² /HS
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	3	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	01	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	
8	Bình quân học sinh/lớp	36/1	
III	Số điểm trường	0	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	9103.5 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	605m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48 m ² /phòng	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	165 m ²	

3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	75 m ² /phòng	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Khối lớp 10	1	
2	Khối lớp 11	1	
3	Khối lớp 12	1	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	27	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp	0	
XI	Nhà ăn	0	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)		Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0				
XIII	Khu nội trú	0				
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		1/1		0.05m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	

XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

3) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

STT	Danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Hiện có	Đối sánh
A. THIẾT BỊ CÓ TRONG DANH MỤC BAN HÀNH THEO CÁC THÔNG TƯ QUY ĐỊNH CỦA BỘ GDĐT					
1	Thiết bị dạy học Môn Công nghệ				
	Bản mạch điện nối tải 3 pha	Bộ/trường	12	0	-12
	Bản mạch nguồn cung cấp điện 1 chiều	Bộ/trường	12	0	-12
	Bản mạch khuyết đại âm tần	Bộ/trường	12	0	-12
	Bản mạch tạo xung đa hài	Bộ/trường	12	0	-12
	Bản mạch điều khiển tốc độ động cơ không đồng bộ 1 pha	Bộ/trường	12	0	-12
	Bản mạch bảo vệ quá điện áp	Bộ/trường	12	0	-12
	Máy đo độ PH	Bộ/trường	12	8	-4
2	Thiết bị dạy học môn Hóa học				
	Mô hình phân tử dạng đặc	Bộ/lớp	6	0	6
	Mô hình phân tử dạng rỗng	Bộ/lớp	6	0	6
3	Thiết bị dạy học môn Tin học				
	Máy chiếu đa năng + màn chiếu	Bộ/phòng	1	1	0
II	Thiết bị dạy học môn giáo dục quốc phòng và an ninh				
	Mô hình súng AK-47, CKC, B40, B41 cắt bỏ	Bộ/trường	2	2	0
	Mô hình súng tiểu liên AK-47 luyện tập	Bộ/trường	50	5	45
	Máy bắn MBT-03	Bộ/trường	2	2	0
	Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT- 03 TNAK-12	Bộ/trường	2	0	2
	Máy theo dõi đường ngắm RDS-07	Bộ/trường	2	2	0
B. THIẾT BỊ KHÔNG CÓ TRONG DANH MỤC THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ GDĐT					
I	Khởi phòng học tập				
1	Phòng học (cho 1 lớp học không quá 45 học sinh)				
	Ti vi HD 65 inch trở lên	Cái	1	30	0

	Máy vi tính (kết nối ti vi phục vụ giảng dạy)	Bộ	1	0	-25
	Bộ dụng cụ hỗ trợ dạy học gồm: 01 Loa trợ giảng, 08 Bảng nhóm, 01 bảng giáo viên	Bộ	1		0
	Bàn, ghế học sinh (1 bàn, 2 ghế rời)	Bộ	24		0
	Bàn, ghế giáo viên (1 bàn, 1 ghế rời)	Bộ	1		0
2	Phòng đa chức năng (1P với quy mô từ 20 lớp trở xuống, 2P với quy mô trên 20 lớp)				
	Hệ thống lưu trữ dùng chung gồm: Thiết bị lưu trữ + UPS Maruson + Tủ Rack	Hệ thống	1	0	-1
	Màn hình tương tác 65 inch	Cái	1	0	-1
	Ti vi HD 65 inch trở lên	Cái	2	2	0
	Âm thanh phòng học (1 Amply, 2 loa, 1 micro cầm tay, 1 Mic cài áo, dây loa vật tư lắp đặt)	Bộ	1		
	Thiết bị hội nghị trực tuyến auto camera tracking và các thiết bị phụ kiện kèm theo	Cái	1		
	Bục giảng thông minh (Với máy tính core i7, màn hình cảm ứng đa điểm 23.8 inch; 10 điểm chạm tương tác)	Cái	1		
	Máy vi tính học sinh	Bộ	45		
	Bộ tai nghe và Micro chuyên dụng cho giáo viên+học sinh	Cái	46		
	Bảng trượt ngang 2 lớp	Cái	1		
	Ghế cho giáo viên	Cái	1		
	Bàn xếp di động thiết kế cho một học sinh	Cái	45		
	Ghế cho một học sinh	Cái	45		
	Phần mềm ứng dụng mô phỏng 2D/3D	Bộ	1		
	Phần mềm Sách giáo khoa điện tử - Phiên bản Giáo viên	Bộ	1		
	Phần mềm Smartclass phiên bản giáo viên HUB + LIVE	Bộ	1		
	Bộ phần mềm Let's Talk English A1, A2, B1, B2	Bộ	1		
	Phần mềm tiếng anh tương tác theo cấp độ THCS	Bộ	1		
	Phần mềm Smartclass+ phiên bản cho học sinh	Bộ	45		

3	Phòng bộ môn Công nghệ (1P với quy mô từ 20 lớp trở xuống, 2P với quy mô trên 20 lớp)				
	Máy chiếu vật thể	Cái	1	0	1
	Ti vi HD 65 inch trở lên	Cái	1	0	1
	Máy tính (kết nối với ti vi)	Bộ	1	0	1
	Bảng viết chống lóa	Cái	1	0	1
	Micro trợ giảng	Cái	1	0	1
	Phần mềm thí nghiệm ảo	Bộ	1	0	1
	Bàn ghế giáo viên	Cái	1	0	1
	Bàn Thực hành Công nghệ của học sinh	Cái	45	0	45
	Ghế xếp học sinh	Cái	45	0	45
	Bàn chuẩn bị thí nghiệm	Cái	4	0	4
4	Phòng bộ môn Tin học (1P với quy mô từ 20 lớp trở xuống, 2P với quy mô trên 20 lớp)				
	Máy vi tính (dành cho giáo viên, kết nối với các máy học sinh và ti vi, gồm cả thiết bị lưu điện)	Bộ	1		
	Máy tính (dành cho học sinh)	Bộ	45		
	Ti vi HD 65 inch trở lên	Cái	1		
	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	1		
	Bàn, ghế học sinh được thiết kế chuyên dụng để đặt máy tính	Bộ	45		
	Bảng viết chống lóa	Cái	1		
	Thiết bị lắp Wifi.	cái	1		
	Micro trợ giảng	Cái	2		
	Phần mềm ứng dụng: Kiểm tra trắc nghiệm trên máy tính.	Bộ	1		
	Phần mềm chấm trắc nghiệm trên thiết bị thông minh.	Bộ	4		
5	Phòng bộ môn Ngoại ngữ (1P với quy mô từ 20 lớp trở xuống, 2P với quy mô trên 20 lớp)				
	Ti vi HD 65 inch trở lên hoặc màn hình tương tác	Cái	1		
	Bộ tai nghe và Micro chuyên dụng cho giáo viên, học sinh	Cái	46		
	Máy tính cho giáo viên	Bộ	1		
	Máy tính cho giáo học sinh	Bộ	45		

	Hệ thống mạng, điện	Phòng	1		
	Máy chiếu đa vật thể	Cái	1		
	Ghế cho giáo viên	Cái	1		
	Bàn xếp di động thiết kế cho một học sinh	Cái	45		
	Ghế cho một học sinh	Cái	45		
	Phần mềm, sách điện tử	Bộ	1		
	Bảng trượt ngang 2 lớp	Cái	1		
6	Phòng bộ môn Vật lý (1P với quy mô từ 20 lớp trở xuống, 2P với quy mô trên 20 lớp)				
	Máy chiếu vật thể	Cái	1	0	1
	Ti vi HD 65 inch trở lên	Cái	1	0	1
	Các phần mềm thí nghiệm ảo	Bộ	1	0	1
	Bàn, ghế thực hành dùng cho giáo viên	Cái	1	0	1
	Bàn, ghế thực hành dành cho học sinh (ghế xếp)	Cái	45	0	
	Bảng trượt ngang 2 lớp	Cái	1	0	1
	Micro trợ giảng	Cái	1	0	1
7	Phòng bộ môn Hóa học (1P với quy mô từ 20 lớp trở xuống, 2P với quy mô trên 20 lớp)				
	Máy chiếu vật thể	Cái	1	0	1
	Ti vi HD 65 inch trở lên	Cái	1	0	1
	Các phần mềm thí nghiệm ảo	Bộ	1	0	1
	Máy lọc khí độc	Cái	2	0	2
	Máy cất nước	Cái	2	0	2
	Bàn, ghế thực hành dùng cho giáo viên	Cái	1	0	1
	Bàn, ghế thực hành dành cho học sinh (ghế xếp)	Cái	45	0	45
	Bảng trượt ngang 2 lớp	Cái	1	0	1
	Micro trợ giảng	Cái	1	0	1
8	Phòng bộ môn Sinh học				
	Ti vi HD 65 inch trở lên	Cái	1	0	1
	Máy chiếu vật thể	Cái	1	0	1
	Máy lọc khí độc	Cái	2	0	2
	Máy cất nước	Cái	2	0	2
	Tủ lạnh	Cái	1	0	1
	Bàn, ghế thực hành dùng cho giáo viên	Cái	1	0	1
	Bàn, ghế thực hành dành cho học sinh (ghế xếp)	Cái	45	0	45

	Bảng trượt ngang 2 lớp	Cái	1	0	1
	Micro trợ giảng	Cái	1	0	1
	Hệ thống đèn chiếu sáng nhân tạo	Bộ	7	0	7
	Các phần mềm thí nghiệm ảo môn Sinh học	Phần mềm	1	0	1
9	Phòng bộ môn Khoa học xã hội				
	Ti vi HD 65 inch trở lên	Cái	1		
	Máy chiếu vật thể	Cái	1		
	Bàn, ghế dùng cho giáo viên	Cái	1		
	Bàn, ghế dành cho học sinh (ghế xếp)	Cái	45		
	Micro trợ giảng	Cái	1		
	Bảng trượt ngang 2 lớp	Cái	1		
II	Khối phòng hỗ trợ học tập				
1	Thư viện				
	Máy vi tính (dành cho Thủ thư)	Bộ	1	0	1
	Ti vi HD 65 inch trở lên	Cái	1	0	1
	Máy vi tính dùng tra cứu tài liệu (bao gồm bàn vi tính, máy tính và thiết bị lưu điện)	Bộ	12	0	12
	Phần mềm quản lý thư viện	Bộ	1	0	1
	Bàn, ghế đọc sách thư viện cho giáo viên (8 chỗ ngồi/1 bàn)	Cái	2	0	2
	Bàn, ghế đọc sách thư viện cho học sinh (6 chỗ ngồi, 3 vách ngăn/1 bàn)	Cái	8	0	8
2	Phòng thiết bị giáo dục				
	Máy tính để bàn	Bộ	1	0	1
3	Phòng tư vấn học đường				
	Máy tính để bàn	Bộ	1	0	1
4	Phòng truyền thống				
	Máy tính để bàn	Bộ	1	0	1
	Ti vi HD 65 inch trở lên	Cái	1	0	1
5	Phòng Đoàn Thanh niên				
	Máy tính để bàn	Bộ	1	0	1
	Âm thanh di động công suất lớn	Bộ	1	0	1
	Hệ thống thu âm	Bộ	1	0	1
	Hệ thống loa phát thanh	Bộ	1	0	1
	Máy quay phim chụp ảnh	Cái	1	0	1
III	Khối phụ trợ				
1	Phòng họp toàn thể giáo viên				
	Ti vi HD 65 inch trở lên	Cái	3		

	Tăng âm + Loa + Micro	Bộ	1		
	Bàn, ghế họp (đảm bảo theo quy mô nhà trường)	Bộ	1		
2	Phòng sinh hoạt các tổ chuyên môn				
	Máy tính để bàn	Bộ	1		
	Ti vi HD 65 inch trở lên	Cái	1		
	Bàn, ghế họp	Bộ	1		
3	Phòng Y tế trường học				
	Máy tính để bàn	Bộ	1	1	1
	Nồi hấp khử trùng	Cái	1	0	1
	Tủ lạnh lưu mẫu thức ăn	Cái	1	0	1
IV	Thiết bị khác				
	Máy in màu	Cái	1		
	Máy quay phim có giá đỡ	Cái	1		
	Máy in giấy A3 (in kết quả điểm)	Cái	1		
	Máy photocopy siêu tốc chuyên dùng sử dụng sao in đề thi	Cái	1		
	Máy FlyCam	Cái	6		
	Máy chấm trắc nghiệm (Bao gồm: Máy laptop, máy scan và phần mềm chấm thi trắc nghiệm)	Bộ	1		

4) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10 NĂM HỌC 2024-2025			
TT	Tên sách	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn	KNTT	Giáo dục Việt Nam
2	Toán	KNTT	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh	Bright	Đại học Huế
4	Giáo dục thể chất: Bóng chuyền, Bóng rổ	KNTT	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử	Cánh diều	Công ty Cổ phần đầu tư xuất bản - thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: NXB Đại học Sư phạm)

6	Giáo dục quốc phòng và an ninh	KNTT	Giáo dục Việt Nam
7	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	KNTT	Giáo dục Việt Nam
8	Nội dung Giáo dục của địa phương		
9	Địa lí	KNTT	Giáo dục Việt Nam
10	Giáo dục kinh tế và pháp luật (GDKT&PL)	KNTT	Giáo dục Việt Nam
11	Vật lí	CTST	Giáo dục Việt Nam
12	Hóa học	CTST	Giáo dục Việt Nam
13	Sinh học	CTST	Giáo dục Việt Nam
14	Tin học (Định hướng tin học ứng dụng)	KNTT	Giáo dục Việt Nam
15	Công nghệ 10: Công nghệ trồng trọt	KNTT	Giáo dục Việt Nam
16	Công nghệ 10: Thiết kế và công nghệ	Cánh Diều	CT Cổ phần đầu tư XB - TBGD Việt Nam (Đơn vị liên kết: NXB Đại học Sư phạm)

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA THEO TỔ HỢP MÔN HỌC

Mã tổ hợp	Môn bắt buộc	Tổ hợp các môn lựa chọn	Cụm chuyên đề	Lớp
0201	Toán; Ngữ văn; Tiếng Anh; Lịch sử; GDQPAN; Giáo dục thể chất; Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp; Nội dung GD của địa phương	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ: Thiết kế và công nghệ	Toán, Vật lí, Hóa học	10A1, 10A2
0202		Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ: Công nghệ trồng trọt	Toán, Hóa học, Sinh học	10A3, 10A4
0203		Địa lí, GDKT&PL, Hóa học, Tin học	Văn, Lịch sử, Địa lí	10A5, 10A6
0204		Địa lí, GDKT&PL, Vật lí, Tin học	Văn, Lịch sử, Địa lí	10A7, 10A8

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11 NĂM HỌC 2024-2025

TT	Tên sách	Bộ sách	Nhà xuất bản
----	----------	---------	--------------

1	Ngữ văn	KNTT	Giáo dục Việt Nam
2	Toán	KNTT	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh	Bright	Đại học Huế
4	Giáo dục thể chất: Bóng chuyền, Bóng rổ	KNTT	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử	Cánh diều	Công ty Cổ phần đầu tư xuất bản - thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: NXB Đại học Sư phạm)
6	Giáo dục quốc phòng và an ninh	KNTT	Giáo dục Việt Nam
7	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	KNTT	Giáo dục Việt Nam
8	Nội dung Giáo dục của địa phương		
9	Địa lí	CTST	Giáo dục Việt Nam
10	Giáo dục kinh tế và pháp luật (GDKT&PL)	KNTT	Giáo dục Việt Nam
11	Vật lí	CTST	Giáo dục Việt Nam
12	Hoá học	CTST	Giáo dục Việt Nam
13	Sinh học	CTST	Giáo dục Việt Nam
14	Tin học (Định hướng tin học ứng dụng)	KNTT	Giáo dục Việt Nam
15	Công nghệ 11: Công nghệ chăn nuôi	KNTT	Giáo dục Việt Nam
16	Công nghệ 11: Công nghệ cơ khí	Cánh Diều	Đại học Huế

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA THEO TỔ HỢP MÔN HỌC

Mã tổ hợp	Môn bắt buộc	Tổ hợp các môn lựa chọn	Cụm chuyên đề	Lớp
021	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử, GDQPAN,	Vật lí, Hóa học, Sinh, Công nghệ: Công nghệ cơ	Toán, Vật lí, Hóa học	11B1, 11B2

	Giáo dục thể chất, Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp, Nội dung GD của địa phương	khí		
022		Vật lí, Hóa học, Sinh; Công nghệ: Công nghệ chăn nuôi	Toán, Hóa học, Sinh học	11B3, 11B4, 11B5
023		Địa lí, GDKT&PL, Hóa học, Tin học	Văn, Lịch sử, Địa lí	11B6, 11B7
024		Địa lí, GDKT&PL, Vật lí, Tin học	Văn, Lịch sử, Địa lí	11B8, 11B9

PHỤ LỤC 3: DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12 NĂM HỌC 2024-2025

TT	Tên sách	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn	KNTT	Giáo dục Việt Nam
2	Toán	KNTT	Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh	Bright	Đại học Huế
4	Giáo dục thể chất: Bóng chuyền, Bóng rổ	KNTT	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử	Cánh diều	Công ty Cổ phần đầu tư XB - TBGD Việt Nam (Đơn vị liên kết: NXB Đại học Sư phạm)
6	Giáo dục quốc phòng và an ninh	KNTT	Giáo dục Việt Nam
7	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	KNTT	Giáo dục Việt Nam
8	Nội dung Giáo dục của địa phương		
9	Địa lí	CTST	Giáo dục Việt Nam
10	Giáo dục kinh tế và pháp luật (GDKT&PL)	KNTT	Giáo dục Việt Nam
11	Vật lí	CTST	Giáo dục Việt Nam
12	Hoá học	CTST	Giáo dục Việt Nam
13	Sinh học	CTST	Giáo dục Việt Nam
14	Tin học (Định hướng tin học ứng dụng)	KNTT	Giáo dục Việt Nam

15	Công nghệ 12: Lâm nghiệp - Thủy sản	KNTT	Giáo dục Việt Nam	
16	Công nghệ 12: Điện - Điện tử	Cánh Diều	Đại học Huế	
DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA THEO TỔ HỢP MÔN HỌC				
Mã tổ hợp	Môn bắt buộc	Tổ hợp các môn lựa chọn	Cụm chuyên đề	Lớp
021	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử, GDQPAN, Giáo dục thể chất, Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp, Nội dung GD của địa phương	Vật lí, Hóa học, GDKT&PL, Công nghệ: Điện - Điện tử	Toán, Vật lí, Hóa học	12C1, 12C2
022		Hóa học, Sinh học, Địa lí, Tin học	Toán, Hóa học, Sinh học	12C3
023		Địa lí, GDKT&PL, Hóa học, Công nghệ 12: Lâm nghiệp - Thủy sản	Văn, Lịch sử, Địa lí	12C4, 12C5
024		Địa lí, GDKT&PL, Vật lí, Tin học	Văn, Lịch sử, Địa lí	12C6, 12C7
025		Vật lí, Địa lí, Tin học, Công nghệ Điện - Điện tử	Toán, Vật lí, Công nghệ Điện - Điện tử	12C8

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

A. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Mô tả quá trình tự đánh giá Cơ sở giáo dục đã tiến hành tự đánh giá theo quy trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Các bước tự đánh giá bao gồm: thu thập dữ liệu, phân tích, xây dựng báo cáo, và đề xuất kế hoạch cải tiến.

Những điểm mạnh

Chương trình đào tạo được thiết kế đảm bảo chuẩn đầu ra theo quy định. Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn cao. Cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập.

Những điểm cần cải thiện

Cần tăng cường hơn nữa đầu tư cơ sở vật chất. Hoàn thiện phòng học, phòng bộ môn, thí nghiệm thực hành, nhà hiệu bộ.....

Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ. Mở rộng quan hệ hợp tác định hướng nghề nghiệp.

B. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI VÀ CÔNG NHẬN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

1. Các đợt đánh giá ngoài đã thực hiện

- Thời gian: 2014
- Đơn vị thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo Kon Tum
- Kết quả đánh giá: Đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1

2. Chứng nhận đạt chuẩn quốc gia

- Năm đạt chuẩn: 2014
- Cấp độ đạt được: 3

C. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

1. Kế hoạch cải tiến trong 05 năm

- Nâng cao chương trình đào tạo theo hướng đáp ứng chương trình GDPT 2018.
- Phát triển cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị đáp ứng chương trình GDPT 2018.
- Tăng cường hợp tác với các trường bạn trên địa bàn.

2. Kế hoạch cải tiến hàng năm

- Hoàn thiện hệ thống đánh giá nội bộ.
- Triển khai các biện pháp tăng cường hỗ trợ học sinh.
- Cải thiện công tác quản lý và giám sát.

D. KẾT LUẬN

- Trường THPT Lê Lợi cam kết duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.
- Thường xuyên tự đánh giá và điều chỉnh kế hoạch cải tiến chất lượng theo thực tế.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023-2024 so sánh năm học 2024- 2025:

a) Kết quả tuyển sinh năm học 2024-2025: 328 học sinh;

Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Năm học	Khối	Số lớp	Số HS	Số HS nữ	Số HS DT	Nữ DT
2023-2024	10	9	338	190	57	47
2024-2025	10	8	325	186	46	41
So sánh		-1	-13	-4	-9	-6

2023-2024	11	8	265	149	42	37
2024-2025	11	9	304	170	49	40
So sánh		+1	+39	+21	+7	+3
2023-2024	12	7	246	141	33	28
2024-2025	12	8	263	147	42	37
So sánh		+1	+17	+6	+9	+9
Tổng hợp chung						
Năm học		Số lớp	Số HS	Số HS nữ	Số HS DT	Nữ DT
2023-2024		24	849	480	132	112
2024-2025		25	892	503	137	118
So sánh		+1	+43	+23	+5	+6

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

THỐNG KÊ TỈ LỆ XẾP LOẠI HỌC TẬP

Năm học 2024 - 2025

STT	LỚP	SĨ SỐ	HS NỮ		TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		892	504	56.50%	83	9.30%	425	47.65%	375	42.04%	9	1.01%
Khối 10		325	186	57.23%	12	3.69%	119	36.62%	187	57.54%	7	2.15%
1	10A1	44	23	52.27%	4	9.09%	21	47.73%	19	43.18%	0	0.00%
2	10A2	43	22	51.16%	1	2.33%	13	30.23%	25	58.14%	4	9.30%
3	10A3	41	23	56.10%	1	2.44%	14	34.15%	26	63.41%	0	0.00%
4	10A4	36	19	52.78%	0	0.00%	10	27.78%	26	72.22%	0	0.00%
5	10A5	40	27	67.50%	1	2.50%	12	30.00%	27	67.50%	0	0.00%
6	10A6	41	27	65.85%	1	2.44%	9	21.95%	30	73.17%	1	2.44%
7	10A7	38	22	57.89%	3	7.89%	16	42.11%	18	47.37%	1	2.63%
8	10A8	42	23	54.76%	1	2.38%	24	57.14%	16	38.10%	1	2.38%
Khối 11		304	170	55.92%	28	9.21%	139	45.72%	135	44.41%	2	0.66%
9	11B1	44	22	50.00%	16	36.36%	27	61.36%	1	2.27%	0	0.00%
10	11B2	38	15	39.47%	4	10.53%	15	39.47%	18	47.37%	1	2.63%
11	11B3	30	13	43.33%	1	3.33%	10	33.33%	19	63.33%	0	0.00%
12	11B4	24	13	54.17%	0	0.00%	5	20.83%	18	75.00%	1	4.17%
13	11B5	28	15	53.57%	0	0.00%	1	3.57%	27	96.43%	0	0.00%

14	11B6	36	28	77.78%	1	2.78%	30	83.33%	5	13.89%	0	0.00%
15	11B7	34	20	58.82%	0	0.00%	9	26.47%	25	73.53%	0	0.00%
16	11B8	36	22	61.11%	6	16.67%	27	75.00%	3	8.33%	0	0.00%
17	11B9	34	22	64.71%	0	0.00%	15	44.12%	19	55.88%	0	0.00%
Khối 12		263	148	56.27%	43	16.35%	167	63.50%	53	20.15%	0	0.00%
18	12C1	30	18	60.00%	11	36.67%	19	63.33%	0	0.00%	0	0.00%
19	12C2	36	17	47.22%	9	25.00%	22	61.11%	5	13.89%	0	0.00%
20	12C3	30	20	66.67%	8	26.67%	20	66.67%	2	6.67%	0	0.00%
21	12C4	36	26	72.22%	0	0.00%	23	63.89%	13	36.11%	0	0.00%
22	12C5	34	21	61.76%	2	5.88%	21	61.76%	11	32.35%	0	0.00%
23	12C6	37	14	37.84%	6	16.22%	27	72.97%	4	10.81%	0	0.00%
24	12C7	30	18	60.00%	3	10.00%	19	63.33%	8	26.67%	0	0.00%
25	12C8	30	14	46.67%	4	13.33%	16	53.33%	10	33.33%	0	0.00%

THỐNG KÊ TỈ LỆ XẾP LOẠI RÈN LUYỆN

Năm học 2024 - 2025

STT	LỚP	SĨ SỐ	HS NỮ		TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		892	504	56.50%	743	83.30%	138	15.47%	10	1.12%	1	0.11%
Khối 10		325	186	57.23%	258	79.38%	61	18.77%	5	1.54%	1	0.31%
1	10A1	44	23	52.27%	37	84.09%	7	15.91%	0	0.00%	0	0.00%
2	10A2	43	22	51.16%	28	65.12%	11	25.58%	3	6.98%	1	2.33%
3	10A3	41	23	56.10%	33	80.49%	6	14.63%	2	4.88%	0	0.00%
4	10A4	36	19	52.78%	35	97.22%	1	2.78%	0	0.00%	0	0.00%
5	10A5	40	27	67.50%	37	92.50%	3	7.50%	0	0.00%	0	0.00%
6	10A6	41	27	65.85%	33	80.49%	8	19.51%	0	0.00%	0	0.00%
7	10A7	38	22	57.89%	32	84.21%	6	15.79%	0	0.00%	0	0.00%
8	10A8	42	23	54.76%	23	54.76%	19	45.24%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 11		304	170	55.92%	229	75.33%	71	23.36%	4	1.32%	0	0.00%
9	11B1	44	22	50.00%	42	95.45%	2	4.55%	0	0.00%	0	0.00%
10	11B2	38	15	39.47%	19	50.00%	19	50.00%	0	0.00%	0	0.00%
11	11B3	30	13	43.33%	17	56.67%	13	43.33%	0	0.00%	0	0.00%
12	11B4	24	13	54.17%	19	79.17%	5	20.83%	0	0.00%	0	0.00%
13	11B5	28	15	53.57%	14	50.00%	13	46.43%	1	3.57%	0	0.00%
14	11B6	36	28	77.78%	36	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
15	11B7	34	20	58.82%	23	67.65%	10	29.41%	1	2.94%	0	0.00%
16	11B8	36	22	61.11%	35	97.22%	1	2.78%	0	0.00%	0	0.00%
17	11B9	34	22	64.71%	24	70.59%	8	23.53%	2	5.88%	0	0.00%
Khối 12		263	148	56.27%	256	97.34%	6	2.28%	1	0.38%	0	0.00%
18	12C1	30	18	60.00%	30	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%

19	12C2	36	17	47.22%	36	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
20	12C3	30	20	66.67%	30	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
21	12C4	36	26	72.22%	32	88.89%	4	11.11%	0	0.00%	0	0.00%
22	12C5	34	21	61.76%	34	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
23	12C6	37	14	37.84%	36	97.30%	1	2.70%	0	0.00%	0	0.00%
24	12C7	30	18	60.00%	28	93.33%	1	3.33%	1	3.33%	0	0.00%
25	12C8	30	14	46.67%	30	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Năm học	Tổng số HS tốt nghiệp THPT	Số học sinh vào học các trường Đại học		Số học sinh vào học các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng		Số học sinh vào học các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ trung cấp		Vào học các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp		Học nghề dưới 3 tháng (dưới trình độ sơ cấp)		Số học sinh tham gia lao động sản xuất	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
2023-2024	246	118	47.97 %	46	18.70 %	23	9.35 %	22	8.94 %	25	10.16 %	12	4.88 %
Tổng	246	118	47.97 %	46	18.70 %	23	9.35 %	22	8.94 %	25	10.16 %	12	4.88 %

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp: Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Công khai tài chính năm 2024 (năm trước liền kề thời điểm báo)

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Tình hình tài chính năm tài chính năm 2024 (năm trước liền kề thời điểm báo) như sau :		
a)	Các khoản thu :	13.789.558.000	
	Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước	13.326.427.000	
	Nguồn kinh phí thu học phí	331.332.000	

	Trong đó: Năm 2023 chuyển sang	0	
	Thu năm 2024	331.332.000	
	Nguồn kinh phí thu khác hoạt động (thu dạy tăng cường, thu trông giữ xe HS phần chênh lệch thu- chi- thuế)	131.799.000	
	Trong đó: Năm 2023 chuyển sang	30.840.000	
	Thu năm 2024	100.959.000	
b)	Các khoản chi	13.789.558.000	
	Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...) :	12.031.486.600	
	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...):	526.863.400	
	Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...):	477.118.000	
	Chi khác :	754.090.000	
2	Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có)		
	Mức thu học phí : thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ; Nghị quyết 33/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Kon Tum	30.000	đ/tháng/H S

	Thu trông giữ xe : thực hiện theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 của HĐND tỉnh Kon Tum		
	Mức thu trông giữ xe máy, xe máy điện	16.000	đ/tháng/xe
	Mức thu trông giữ xe đạp, xe đạp điện	8.000	đ/tháng/xe
	Mức thu dạy tăng cường: thực hiện theo Nghị quyết số 22/2021/nQ- hĐnD ngày 09/7/2021 của HĐnD tỉnh Kon Tum	7.500	đ/tiết
3	Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học		
	Chi chính sách và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ CPHT theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ	61.050.000	
	Chi chính sách và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ CPHT theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ	340.020.000	

	Chính sách và kết quả thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ	9.744.000	
4	Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).	0	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường

1.1. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018: Thực hiện theo Kế hoạch số 110/KH-SGDĐT ngày 27/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai thực hiện các nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025. Nhà trường đã xây dựng và thực hiện các kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo cho việc hoàn hành chương trình đáp ứng yêu cầu về chất lượng của nhà trường².

- Năm học 2024-2025 là năm thực hiện toàn cấp học chương trình GDPT 2018, nhà trường đã tuyển sinh 338 học sinh. Riêng các môn học lựa chọn ở lớp 10, trường xây dựng các tổ hợp môn lựa chọn và chuyên đề học tập để học sinh lựa chọn nhằm vừa đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp của học sinh vừa phù hợp với tình hình thực tế của trường năm học 2024 – 2025. Tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng phân hóa sâu và chú trọng đẩy mạnh giáo dục học sinh còn hạn chế về năng lực. Ngoài hoạt động dạy học trên lớp, trường sử dụng nhiều hình thức tổ chức dạy học khác như dạy học ngoài lớp học, dạy học Hoạt động trải nghiệm-Hướng nghiệp, dạy học theo chuyên đề, dạy học theo định hướng STEM...

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động dạy học và quản lý giáo dục. Triển khai thực hiện tốt chương giáo dục theo quy định và các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục học sinh; tăng cường các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần học sinh; chủ động, linh hoạt xây dựng kế hoạch, chuẩn bị cơ sở vật chất, đội ngũ... để triển khai hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018 toàn cấp học.

- Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018. Nhà trường thực hiện hướng dẫn của Sở đã phân công giáo viên tham gia dạy các chuyên đề nội dung giáo dục địa phương toàn cấp học.

- Tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1357/SGDĐT ngày

² Kế hoạch số 19/KH-THPTLL ngày 15/9/2024 của Trường THPT Lê Lợi về việc tổ chức Hội giảng theo Hướng dẫn 1777/SGDĐT-GDTrH ngày 07/9/2023 của Sở GDĐT; Kế hoạch số 22/KH-THPTLL ngày 23/9/2024 Kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2024-2025; Kế hoạch số 25/KH-THPTLL ngày 10/10/2024 của Trường THPT Lê Lợi về việc tổ chức Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp trường gắn với các hoạt động STEM dành cho học sinh trung học, năm học 2024-2025; Kế hoạch số 26/KH-THPTLL ngày 11/10/2024 của Trường THPT Lê Lợi về việc triển khai thực hiện giảng dạy nội dung giáo dục địa phương năm học 2024-2025; Kế hoạch số 39/KH-THPTLL ngày 22/11/2024 của Trường THPT Lê Lợi về việc tổ chức Hội thảo Chuyên đề nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng chương trình GDPT 2018.

16/10/2017 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018³. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tiễn, đáp ứng yêu cầu thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh⁴.

- Thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch dạy học, tạo điều kiện cho giáo viên, tổ nhóm chuyên môn chủ động lựa chọn nội dung, chương trình giáo dục phù hợp với thực tế nhà trường. Quản lý và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, linh hoạt kế hoạch dạy học nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục.

- Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn trong nhà trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học.

2. Đổi mới phương pháp và hình thức dạy học, giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh

- Tổ chức dạy học và hoạt động giáo dục học sinh có hiệu quả theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 toàn cấp học.

- Tổ chức đánh giá học sinh theo đúng quy định Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để thực hiện tốt công quản lý, công tác dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục. Tất cả các hoạt động được kiểm soát và kiểm tra trên hệ thống office 365, trang tin điện tử của Nhà trường. Xây dựng và tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục, hội thi, cuộc thi.

- 100% tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, đổi mới phương pháp dạy học, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá.

- Tổ chức dạy học phân hoá theo năng lực của học sinh theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT, chủ động xây dựng kế hoạch môn học phù hợp đối tượng học sinh. Giáo viên chủ động thiết kế bài giảng linh hoạt, khoa học, sắp xếp hợp lý các hoạt động của giáo viên và học sinh; phối hợp tốt giữa làm việc cá nhân và làm việc theo nhóm.

³ Tiếp tục thực hiện theo Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 của Bộ GDĐT về thực hiện chương trình GDPT theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

⁴ Chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên tiếp tục hoàn thiện kế hoạch dạy học các môn học theo Mẫu 2, Phụ lục 1, kế hoạch bài dạy (giáo án) theo Phụ lục 4 một cách phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành (được điều chỉnh nội dung dạy học tại Công văn số 1189/SGDĐT-GDTrH ngày 01/9/2020 của Sở GDĐT) và bám sát với Hướng dẫn đánh giá, xếp loại giờ dạy đối với giáo viên trung học (Hướng dẫn 1777/SGDĐT-GDTrH ngày 07/9/2023 của Sở GDĐT);

- Ban hành văn bản hướng dẫn kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt (chuẩn kiến thức, kỹ năng) của chương trình GDPT.

- Tổ chức việc dự giờ thăm lớp, bồi dưỡng đội ngũ thông qua các khóa tập huấn do Sở GDĐT tổ chức, thường xuyên quan tâm và chỉ đạo sâu sát phong trào thao giảng, hội giảng và hội thảo⁵.

- Chỉ đạo và tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc khâu kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm và nhận xét, đánh giá học sinh; đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, đánh giá đúng năng lực và coi trọng sự tiến bộ của học sinh. Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra theo ma trận và soạn câu hỏi phục vụ ma trận đề⁶.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả chương trình môn học Giáo dục thể chất, Quốc phòng an ninh; bố trí thời gian hợp lý, khoa học góp phần nâng cao chất lượng giờ học; đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và cách đánh giá tạo hứng thú, yêu thích môn học, không gây áp lực cho học sinh; tăng cường công tác xã hội hóa nhằm phát triển công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học.

- Tổ chức các hoạt động thể thao gắn liền với nội dung môn học giáo dục thể chất đa dạng hóa các hình thức vận động, khuyến khích học sinh tích cực, chủ động tham gia rèn luyện sức khỏe, phát triển thể chất; tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp trường cho học sinh. Thành lập các đội tuyển thể thao tham gia các giải thi đấu thể thao do các cấp tổ chức. Tích cực tham gia Cuộc thi “Đại sứ văn hóa đọc năm 2024” do Sở Văn hoá thể thao và Du lịch tổ chức đạt nhiều thành tích đáng ghi nhận.

- Rà soát và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, sân bãi, trang thiết bị phục vụ cho giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, quốc phòng an ninh để có kế hoạch về việc bổ sung, mua sắm hàng năm.

- Tổ chức các hoạt động tập luyện thể dục thể thao và thi đấu thể thao trong học sinh đáp ứng yêu cầu CTGDPT 2018.

3. Việc giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau THPT

- Nhà trường tuyên truyền, quán triệt Công văn 89/SGDDĐT-GDTrH ngày 16/01/2024 về việc phối hợp tăng cường chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phân luồng

⁵ Kế hoạch số 25/KH-THPTLL ngày 22/11/2024 của Trường THPT Lê Lợi về việc Hội thảo chuyên đề “Nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018”.

⁶ Kế hoạch số 18/KH-THPTLL ngày 16/10/2024 của Trường THPT Lê Lợi, Kế hoạch kiểm tra giữa học kỳ I, năm học 2024-2025; Kế hoạch số 26/KH-THPTLL ngày 08/12/2024 của Trường THPT Lê Lợi, Kế hoạch kiểm tra cuối kỳ I, năm học 2024-2025; Kế hoạch số 06/KH-THPTLL ngày 08/3/2024 của Trường THPT Lê Lợi, Kế hoạch kiểm tra giữa học kỳ II, năm học 2024-2025; Kế hoạch số 10/KH-THPTLL ngày 02/5/2025 của Trường THPT Lê Lợi, Kế hoạch kiểm tra cuối kỳ II, năm học 2024-2025; Quyết định 764/QĐ-BGDĐT ngày 8/3/2024, Quy định về cấu trúc định dạng đề thi Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025.

học sinh sau tốt nghiệp THCS và THPT theo Chương trình phối hợp số 01/CTrSGDDĐT-SLĐTB&XH-UBNDCH ngày 06/9/2023; Công văn 2237/SGDDĐT-GDTrH ngày 7/10/2024 của Sở GDĐT V/v báo cáo kết quả triển khai, thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025” trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024.

- Tổ chức dạy học hiệu quả các môn học theo Chương trình GDPT 2018 vừa rút kinh nghiệm cách xây các tổ hợp môn lựa chọn và chuyên đề học tập đáp ứng yêu cầu công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS trong giáo dục phổ thông từ năm học 2024-2025.

- Tiếp tục chỉ đạo bộ phận hướng nghiệp, tư vấn tâm lý và GVCN làm tốt công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh. Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo việc tạo điều kiện để học sinh đăng kí lựa chọn, được học tập khối thi phù hợp với năng lực bản thân theo định hướng nghề nghiệp. Tại hội nghị Viên chức và Người lao động đầu năm học dành riêng một thời lượng chương trình bàn về các giải pháp thực hiện có hiệu quả công tác định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT của nhà trường (có 01 tham luận chuyên đề về công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh).

- Xây dựng được Kế hoạch Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh cụ thể theo từng tháng, từng học kỳ và từng chủ đề gắn với tuyên truyền vận động học sinh đáp ứng mục tiêu phân luồng của Đề án.

- Tại các buổi sinh hoạt đầu tuần, giao ban đầu tuần đều có lồng ghép tuyên truyền, giáo dục hướng nghiệp đến toàn thể học sinh. Chỉ đạo các tổ chuyên môn tăng cường lồng ghép nội dung Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh vào các tiết học với đối tượng học sinh và đặc thù môn học.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm định hướng nghề nghiệp tại trường; học sinh được trải nghiệm tại các trường Đại học; Đáp ứng nhu cầu của học sinh, cha mẹ học sinh có con em mong muốn dự thi vào Trường chuyên nghiệp.

- Tổ chức thành công Ngày hội STEM năm học 2024-2025.

4. Công tác ôn tập và chuẩn bị cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025

Xây dựng Kế hoạch ôn tập số 06/KH-THPTLL về việc tổ chức ôn tập thi tốt nghiệp THPT năm học 2024-2025.

*** Giai đoạn 1: 06 tuần (từ ngày 10/03/2025 đến hết ngày 19/04/2025):** Tổ chức ôn thi các kiến thức, kỹ năng lớp 12 ở học kỳ I và các kiến thức, kỹ năng lớp 10, lớp 11.

*** Giai đoạn 2: 06 tuần (từ ngày 21/04/2025 đến hết ngày 31/5/2025):** Tổ chức ôn thi các kiến thức, kỹ năng lớp 12 ở học kỳ II.

*** Giai đoạn 3: 03 tuần (từ ngày 02/06/2025 đến hết ngày 21/6/2025):** Tổng hợp kiến thức, kỹ năng theo các chủ đề/nội dung đã ôn thi ở giai đoạn 1 và 2 (khắc sâu); giải đề tổng hợp.

5. Thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Quốc phòng và An ninh: Thực hiện nội dung, chương trình GDQPAN: Thực hiện đầy đủ và có hiệu quả việc tổ chức dạy học môn Giáo dục thể chất và môn Quốc phòng an ninh. Cử giáo viên tham gia tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp dạy và học môn Giáo dục thể chất, Quốc phòng an ninh.

- Kết quả môn GDQPAN ở các khối lớp.

Khối lớp	Tổng số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
10	325	226	69.54%	99	30.46%	0	0	0	0
11	304	170	74.04%	78	25.66%	1	0.33%	0	0
12	263	263	100%	0	0	0	0	0	0
Toàn trường	892	714	80.04%	177	19.84%	1	0.11%	0	0

6. Kết quả các cuộc thi:

STT	Năm học	Học sinh giỏi cấp tỉnh				KHKT					
		Nhất	Nhì	Ba	K K	Tổng g	Nhất	Nhì	Ba	Tur	Tổng
1	2023-2024	2	4	3	4	13	0	1	2	1	4
2	2024-2025	0	3	0	10	13	0	0	1	1	2

Nhà trường có 10 học sinh vào vòng bán kết và 01 học sinh vào chung kết trong cuộc thi trực tuyến Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh cấp Quốc gia.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Duyệt